UBND XÃ KIẾN XƯƠNG **BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/TB-BQLDA	*Kiến Xương, ngày 13 tháng 11 năm 2026*

THÔNG BÁO

Về việc Niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Bình Minh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình (giai đoạn 2) (Thôn Phú Mỹ cũ)

Kính gửi:

- Uỷ ban nhân dân xã Kiến Xương;
- Phòng Kinh tế.

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Kiến Xương thông báo về việc niêm yết dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Bình Minh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình (giai đoạn 2) - Phương án lần 2 với nội dung như sau:

1. Hình thức niêm yết:

- Niêm yết tại trụ sở Uỷ ban nhân dân cấp xã Kiến Xương, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi (Nhà Văn hoá thôn Bình Minh 1);
- Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Uỷ ban nhân dân xã Kiến Xương.

2. Thời hạn niêm yết: 10 ngày. Từ ngày 13/11/2026 đến ngày 23/11/2026. Thời hạn tổ chức đối thoại trong trường hợp còn có ý kiến không đồng ý về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là không quá 30 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

(Có danh sách kèm theo)

Để đảm bảo quy định Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Kiến Xương đề nghị UBND xã Kiến Xương, phòng Kinh tế đăng tải dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Bình Minh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình (giai đoạn 2) - Phương án lần 3 trên Cổng thông tin điện tử của Uỷ ban nhân dân xã Kiến Xương./.

(kèm theo thông báo này là dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lần 2)

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu: BQLDA.

GIÁM ĐỐC

U.B.N.D XÃ KIẾN XƯƠNG TỈNH THÁI BÌNH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG XÃ KIẾN XƯƠNG

Nguyễn Hữu Điệp



Danh sách kèm theo Thông báo số 13 ngày 13 tháng 11 năm 2026

STT	Số thửa	Chủ sự dụng đất
1	57/50	Nguyễn Công Quyến, Ngô Thị Hoà
2	58/50	Nguyễn Đức Tâm, Trần Thị Gấm
3	59/50	Vũ Xuân Dung, Phạm Thị Thanh
4	60/50	Nguyễn Thị Loan
5	61+62/50	Nguyễn Đức Tiến, Phạm Thị Kim Cúc
6	62/50	Nguyễn Quý Đôn, Hà Thị Cường
7	63/50	Nguyễn Hữu Trình, Nguyễn Thị Minh Dương
8	88/50	Trần Quốc Việt, Đỗ Thị Thơm
9	89/50	Trần Đình Huệ, Trần Đình Hạnh
10	92/50	Nguyễn Ngọc Vinh
11	93/50	Phạm Văn Diễn, Lý Thị Yến
12	94/50	Vũ Xuân Đức, Phạm Thị Sen
13	95/50	Nguyễn Công Hoan, Bùi Thị Tuất
14	96/50	Những người thừa kế hợp pháp của ông Phạm Đình Khoái, bà Nguyễn Thị Thoa. Đại diện ông Phạm Hồng Quân
15	97/50	Phạm Thị Hằng, Hà Quang Hoạt
16	98/50	Vũ Văn Tình, Trần Thị Lịch
17	99/50	Những người thừa kế hợp pháp của bà Vũ Thị Vy. Đại diện bàTrần Thị Thu Hà
18	100/50	Trần Văn Rong, Bùi Thị Huệ
19	101/50	Vũ Đức Hậu, Trần Thị Hoà
20	102/50	Bà Phạm Thị Kim Dung là người được uỷ quyền của những người thừa kề theo pháp luật của ông Phạm Kình, Trương Thị Vinh đã chết
21	103/50	Trần Đình Thức
22	104/50	Trần Thị Hậu

23	105/50	Đỗ Văn Thường, Vũ Thị Hải
24	106/50+115/56	Trần Văn Tiến, Vũ Thị Hạt
25	107/50+178/56	Vũ Thị Xuân, Trần Thanh Liêm
26	108+124/50	Trần Nhật Lệ là người được ông Trần Ngọc Danh uỷ quyền
27	110/50	Trần Nhật Lệ
28	111/50 +43/56	Bùi Thị Bột, Trần Văn Ruy
29	112/50+42/56	Phạm Xuân Bang
30	113/50+97/56	Nguyễn Thị Năng
31	114/50+116/56	Nguyễn Viết Cương là người thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Đức Hiệp và bà Mai Thị Gái đã chết
32	115/50	Đỗ Thị Hồng
33	116/50	Trần Thị Hoài
34	117/50	Trần Thị Hường, Trần Xuân Tảo
35	118/50	Phạm Minh Khuê, Dương Thị Sim
36	119/50	Trần Văn Vĩnh, Nguyễn Thị Mùi
37	120/50	Trần Ngọc Diễn, Đoàn Thị Cốc
38	121/50	Phạm Đức Ro, Vũ Thị Phương
39	122/50	Trần Thị Bé, Nguyễn Đình Am
40	123/50+127/50+158/50	Trần Văn Huyền, Nguyễn Thị Nụ
41	125+161+162/50	Trần Duy Thịnh, Đỗ Thị Vượng
42	126+155/50	Trần Thị Nga, Ngô Tất Lại
43	141/50	Đỗ Thị Nhâm
44	144/50	Ông Trần Văn Ruy là người được uỷ quyền của những người thừa kế hợp pháp của ông Trần Đình Mâu và bà Trần Thị Hiển đã chết
45	145/50	Trần Thị Hồng
46	146/50	Trần Văn Hoàn, Nguyễn Thị Thơm
47	147/50	Nguyễn Văn Thương
48	148/50	Trần Thị Thuỳ

49	149/50	Trần Văn Tuân, Đào Thị Ngát
50	150/50	Trần Văn Thắng Vũ Thị Mai
51	151/50	Trần Văn Hiệp Đoàn Thị Lùa
52	152/50 + 21/56	Trần Văn Chuyển, Đỗ Thị Thìn
53	153/50+24/56	Trần Văn Ruyến là người thừa kế theo pháp luật của bà Trần Thị Dung (đã chết)
54	154/50 + 44/56	Trần Văn Đạo Vũ Thị Mùi
55	156/50	Phạm Thị Nụ
56	157/50 + 41/56	Trần Văn Tuyên Nguyễn Thị Thuỷ
57	163/50	Vũ Thị Tuyết
58	164/50	Những người thừa kế hợp pháp của ông Vũ Thái Học. Đại diện ông Vũ Văn Mạnh
59	165/50	Đặng Thị Ngọc
60	166/50	Vũ Đức Ninh, Phạm Thị Kim Dung
61	167/50	Trần Văn Biển, Bùi Thị Tâm
62	168/50	Đoàn Văn Thể, Vũ Thị Thuý Nga
63	215/50	Nguyễn Thị Liền
64	218/50	Ngô Thị Hường, Nguyễn Ngọc Rược
65	219/50	Tô Thị Cúc
66	25/56	Trần Văn Lãm, Bùi Thị Huệ
67	26/56	Trần Văn Tôn
68	27/56	Đỗ Văn Thuần, Nguyễn Thị Nhuận

UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ KIẾN XƯƠNG
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Bình Minh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình (giai đoạn 2) (Nay là xã Kiến
Địa điểm: Xã Kiến Xương, tỉnh Hưng Yên.

* Căn cứ Nghị định số 88/2014/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ.
* Căn cứ Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng
* Căn cứ Quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng
* Căn cứ Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Hưng

Xác định:

* Bồi thường diện tích đất trồng cây hàng năm thu hồi vĩnh viễn là 75.000đồng/1m2;
* Hỗ trợ chuyển nghề đối với phần diện tích bị thu hồi vĩnh viễn là 225.000đồng/1m2

Cụ thể:

STT	Số thửa đất thu hồi/Tờ bản đồ	Đối tượng được bồi thường, hỗ trợ	Mã định danh	Diện tích thu hồi theo quy hoạch (m2)	Diện tích ảnh hưởng (m2)	Tổng DT đất NN đang sử dụng (m2)	Bồi thường, hỗ trợ về đất						Cơ chế thưởng	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ khi NN thu hồi đất (đồng)
							Bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Hỗ trợ chuyển đổi nghề (đồng)	Hỗ trợ ổn định đời sống					
									Tỷ lệ thu hồi (%)	Số tháng được hưởng	Số nhân khẩu được hỗ trợ	Thành tiền (đồng)		
1	57/50	Nguyễn Công Quyến, Ngô Thị Hoà	034173006019	585,1	1,9	3.297,4	44.025.000	132.075.000	17,8	3	4	6.120.000	17.553.000	199.773.000
2	58/50	Nguyễn Đức Tâm, Trần Thị Gấm	034057006318	1.368,0		1.729,7	102.600.000	307.800.000	79,1	12	4	24.480.000	41.040.000	475.920.000
3	59/50	Vũ Xuân Dung, Phạm Thị Thanh	034058005361	2.275,3	13,7	3.081,7	171.675.000	515.025.000	74,3	12	5	30.600.000	68.259.000	785.559.000
4	60/50	Nguyễn Thị Loan	034152002220	3,4		695,7	255.000	765.000	0,5	2	5	5.100.000	102.000	6.222.000
5	61+62/50	Nguyễn Đức Tiến, Phạm Thị Kim Cúc	034068003341	321,8		546,0	24.135.000	72.405.000	58,9	6	3	9.180.000	9.654.000	115.374.000

STT	Số thửa đất thu hồi/Tờ bản đồ	Đối tượng được bồi thường, hỗ trợ	Mã định danh	Diện tích thu hồi theo quy hoạch (m2)	Diện tích ảnh hưởng (m2)	Tổng DT đất NN đang sử dụng (m2)	Bồi thường, hỗ trợ về đất						Cơ chế thưởng	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ khi NN thu hồi đất (đồng)
							Bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Hỗ trợ chuyển đổi nghề (đồng)	Hỗ trợ ổn định đời sống					
									Tỷ lệ thu hồi (%)	Số tháng được hưởng	Số nhân khẩu được hỗ trợ	Thành tiền (đồng)		
6	62/50	Nguyễn Quý Đôn, Hà Thị Cường	034070008992	577,3	89,7	1.978,4	50.025.000	150.075.000	33,7	6	3	9.180.000	17.319.000	226.599.000
7	63/50	Nguyễn Hữu Trình, Nguyễn Thị Minh Dương		730,7	96,0	1.708,1	62.002.500	186.007.500	48,4	6		-	21.921.000	269.931.000
8	88/50	Trần Quốc Việt, Đỗ Thị Thơm	034150012603	1.588,5		2.059,2	119.137.500	357.412.500	77,1	12	4	24.480.000	47.655.000	548.685.000
9	89/50	Trần Đình Huệ, Trần Đình Hạnh	034150006655	607,4		838,9	45.555.000	136.665.000	72,4	12	4	24.480.000	18.222.000	224.922.000
10	92/50	Nguyễn Ngọc Vinh	034053000115	33,1		324,5	2.482.500	7.447.500	10,2	3	5	7.650.000	993.000	18.573.000
11	93/50	Phạm Văn Diễn, Lý Thị Yến	034062015766	1.994,4		3.084,0	149.580.000	448.740.000	64,7	6	7	21.420.000	59.832.000	679.572.000
12	94/50	Vũ Xuân Đức, Phạm Thị Sen		1.797,0	126,0	4.753,0	144.225.000	432.675.000	40,5	6	6	18.360.000	53.910.000	649.170.000
13	95/50	Nguyễn Công Hoan, Bùi Thị Tuất	034150000199	1.529,7		1.907,3	114.727.500	344.182.500	80,2	12	4	24.480.000	17.814.000	501.204.000

STT	Số thửa đất thu hồi/Tờ bản đồ	Đối tượng được bồi thường, hỗ trợ	Mã định danh	Diện tích thu hồi theo quy hoạch (m2)	Diện tích ảnh hưởng (m2)	Tổng DT đất NN đang sử dụng (m2)	Bồi thường, hỗ trợ về đất						Cơ chế thưởng	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ khi NN thu hồi đất (đồng)
							Bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Hỗ trợ chuyển đổi nghề (đồng)	Hỗ trợ ổn định đời sống					
									Tỷ lệ thu hồi (%)	Số tháng được hưởng	Số nhân khẩu được hỗ trợ	Thành tiền (đồng)		
14	96/50	Những người thừa kế hợp pháp của ông Phạm Đình Khoái, bà Nguyễn Thị Thoa. Đại diện ông Phạm Hồng Quân	034080000949	709,1		950,6	53.182.500	159.547.500	74,6	12	1	6.120.000	21.273.000	240.123.000
15	97/50	Phạm Thị Hằng, Hà Quang Hoạt	034151008429	332,6		797,3	24.945.000	74.835.000	41,7	6	5	15.300.000	9.978.000	125.058.000
16	98/50	Vũ Văn Tình, Trần Thị Lịch		1.865,0		4.074,0	139.875.000	419.625.000	45,8	6		-	55.950.000	615.450.000
17	99/50	Những người thừa kế hợp pháp của bà Vũ Thị Vy. Đại diện ông Trần Thị Thu Hà	034179000630	1615,0		1.859,3	121.125.000	363.375.000	86,9	12	4	24.480.000	48.450.000	557.430.000
18	100/50	Trần Văn Rong, Bùi Thị Huệ	034063000572	1026,0		1.196,2	76.950.000	230.850.000	85,8	12	4	24.480.000	30.780.000	363.060.000
19	101/50	Vũ Đức Hậu, Trần Thị Hoà	034063007030	1026,0		1.393,9	76.950.000	230.850.000	73,6	12	3	18.360.000	30.780.000	356.940.000
20	102/50	Bà Phạm Thị Kim Dung là người được uỷ quyền của những người thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Kinh, Trương Thị Vinh đã chết	034170017024	1.026,0		1.416,1	76.950.000	230.850.000	72,5	12	3	18.360.000	30.780.000	356.940.000
21	103/50	Trần Đình Thức	034059007876	946,8	72,2	1.127,0	76.425.000	229.275.000	90,4	12	3	18.360.000	28.404.000	352.464.000

STT	Số thửa đất thu hồi/Tờ bản đồ	Đối tượng được bồi thường, hỗ trợ	Mã định danh	Diện tích thu hồi theo quy hoạch (m2)	Diện tích ảnh hưởng (m2)	Tổng DT đất NN đang sử dụng (m2)	Bồi thường, hỗ trợ về đất						Cơ chế thưởng	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ khi NN thu hồi đất (đồng)
							Bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Hỗ trợ chuyển đổi nghề (đồng)	Hỗ trợ ổn định đời sống					
									Tỷ lệ thu hồi (%)	Số tháng được hưởng	Số nhân khẩu được hỗ trợ	Thành tiền (đồng)		
22	104/50	Trần Thị Hậu	034156003623	438,7	43,3	589,0	36.150.000	108.450.000	81,8	12	1	6.120.000	13.161.000	163.881.000
23	105/50	Đỗ Văn Thường, Vũ Thị Hải		1.313,0		2.108,0	98.475.000	295.425.000	62,3	6	2	6.120.000	39.390.000	439.410.000
24	106/50+115/56	Trần Văn Tiến, Vũ Thị Hạt	034055000963	1.382,7		1.610,0	103.702.500	311.107.500	85,9	12	4	24.480.000	41.481.000	480.771.000
25	107/50+178/56	Vũ Thị Xuân, Trần Thanh Liêm	034155006728	710,0		920,0	53.250.000	159.750.000	77,2	12	8	48.960.000	21.300.000	283.260.000
26	108+124/50	Trần Nhật Lệ là người được ông Trần Ngọc Danh uỷ quyền	034062009264	1.532,0		1.532,0	114.900.000	344.700.000	100,0	12	2	12.240.000	45.960.000	517.800.000
27	110/50	Trần Nhật Lệ	034062009264	544,0		3.296,0	40.800.000	122.400.000	16,5	3	5	7.650.000	16.320.000	187.170.000
28	111/50 +43/56	Bùi Thị Bột, Trần Văn Ruy	034155006779	2.508,4		2.755,7	188.130.000	564.390.000	91,0	12	5	30.600.000	75.252.000	858.372.000
29	112/50+42/56	Phạm Xuân Bang	034051003112	2.230,1		2.674,5	167.257.500	501.772.500	83,4	12	6	36.720.000	66.903.000	772.653.000
30	113/50+97/56	Nguyễn Thị Năng	034155000219	1520,9		1.804,4	114.067.500	342.202.500	84,3	12	9	55.080.000	45.627.000	556.977.000

STT	Số thửa đất thu hồi/Tờ bản đồ	Đối tượng được bồi thường, hỗ trợ	Mã định danh	Diện tích thu hồi theo quy hoạch (m2)	Diện tích ảnh hưởng (m2)	Tổng DT đất NN đang sử dụng (m2)	Bồi thường, hỗ trợ về đất						Cơ chế thưởng	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ khi NN thu hồi đất (đồng)
							Bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Hỗ trợ chuyển đổi nghề (đồng)	Hỗ trợ ổn định đời sống					
									Tỷ lệ thu hồi (%)	Số tháng được hưởng	Số nhân khẩu được hỗ trợ	Thành tiền (đồng)		
31	**114/50+116/56**	Nguyễn Viết Cương là người thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Đức Hiệp và bà Mai Thị Gái đã chết	**03480003643**	1.311,0		**1.531,4**	98.325.000	294.975.000	**85,6**	**12**	**3**	**18.360.000**	**39.330.000**	**450.990.000**
32	**115/50**	Đỗ Thị Hồng		538,0		**490,0**	40.350.000	121.050.000	**109,8**	**12**	**1**	**6.120.000**	**16.140.000**	**183.660.000**
33	**116/50**	Trần Thị Hoài	**034159008366**	661,7	112,3	**774,0**	58.050.000	174.150.000	**100,0**	**12**		**-**	**19.851.000**	**252.051.000**
34	**117/50**	Trần Thị Hường, Trần Xuân Tảo		3.365,0		**6.299,0**	252.375.000	757.125.000	**53,4**	**6**		**-**	**100.950.000**	**1.110.450.000**
35	**118/50**	Phạm Minh Khuê, Dương Thị Sim	**034042001892**	671,3	109,7	**2.113,0**	58.575.000	175.725.000	**37,0**	**6**	**4**	**12.240.000**	**20.139.000**	**266.679.000**
36	**119/50**	Trần Văn Vĩnh, Nguyễn Thị Mùi	**034050003496**	1.169,0		**2.797,0**	87.675.000	263.025.000	**41,8**	**6**	**5**	**15.300.000**	**35.070.000**	**401.070.000**
37	**120/50**	Trần Ngọc Diễn, Đoàn Thị Cốc	**034057007527**	1.051,0		**2.840,0**	78.825.000	236.475.000	**37,0**	**6**	**4**	**12.240.000**	**31.530.000**	**359.070.000**
38	**121/50**	Phạm Đức Ro, Vũ Thị Phương	**034031003290**	843,0		**2.717,0**	63.225.000	189.675.000	**31,0**	**6**	**5**	**15.300.000**	**25.290.000**	**293.490.000**

STT	Số thửa đất thu hồi/Tờ bản đồ	Đối tượng được bồi thường, hỗ trợ	Mã định danh	Diện tích thu hồi theo quy hoạch (m2)	Diện tích ảnh hưởng (m2)	Tổng DT đất NN đang sử dụng (m2)	Bồi thường, hỗ trợ về đất						Cơ chế thưởng	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ khi NN thu hồi đất (đồng)
							Bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Hỗ trợ chuyển đổi nghề (đồng)	Hỗ trợ ổn định đời sống					
									Tỷ lệ thu hồi (%)	Số tháng được hưởng	Số nhân khẩu được hỗ trợ	Thành tiền (đồng)		
39	122/50	Trần Thị Bé, Nguyễn Đình Am	034159008694	1.533,0		2.712,0	114.975.000	344.925.000	56,5	6	3	9.180.000	45.990.000	515.070.000
40	123/50+127/50+158/50	Trần Văn Huyền, Nguyễn Thị Nụ	03417000509	3.703,0		5.887,0	277.725.000	833.175.000	62,9	6	3	9.180.000	111.090.000	1.231.170.000
41	125+161+162/50	Trần Duy Thịnh, Đỗ Thị Vượng	34052000669	3203,0		3.446,0	240.225.000	720.675.000	92,9	12	5	30.600.000	96.090.000	1.087.590.000
42	126+155/50	Trần Thị Nga, Ngô Tất Lại	34076000476	1168,0		2.286,0	87.600.000	262.800.000	51,1	6	4	12.240.000	35.040.000	397.680.000
43	141/50	Đỗ Thị Nhâm	034163009026	1.133,0		1.834,0	84.975.000	254.925.000	61,8	6	1	3.060.000	33.990.000	376.950.000
44	144/50	Ông Trần Văn Ruy là người được uỷ quyền của những người thừa kế hợp pháp của ông Trần Đình Mâu và bà Trần Thị Hiền đã chết	034057024276	957,0		3.430,0	71.775.000	215.325.000	27,9	5	3	7.650.000	28.710.000	323.460.000
45	145/50	Trần Thị Hồng	034149001253	1.126,0		2.930,0	84.450.000	253.350.000	38,4	6	4	12.240.000	33.780.000	383.820.000
46	146/50	Trần Văn Hoàn, Nguyễn Thị Thơm	34061003505	1.087,0		3.151,0	81.525.000	244.575.000	34,5	6	7	21.420.000	32.610.000	380.130.000

STT	Số thửa đất thu hồi/Tờ bản đồ	Đối tượng được bồi thường, hỗ trợ	Mã định danh	Diện tích thu hồi theo quy hoạch (m2)	Diện tích ảnh hưởng (m2)	Tổng DT đất NN đang sử dụng (m2)	Bồi thường, hỗ trợ về đất						Cơ chế thưởng	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ khi NN thu hồi đất (đồng)
							Bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Hỗ trợ chuyển đổi nghề (đồng)	Hỗ trợ ổn định đời sống					
									Tỷ lệ thu hồi (%)	Số tháng được hưởng	Số nhân khẩu được hỗ trợ	Thành tiền (đồng)		
47	147/50	Nguyễn Văn Thương	034059014010	842,7		2.280,0	63.202.500	189.607.500	37,0	6	3	9.180.000	25.281.000	287.271.000
48	148/50	Trần Thị Thuỳ					0	0	#DIV/0!	#DIV/0!		#DIV/0!	0	0
49	149/50	Trần Văn Tuân, Đào Thị Ngát	034076011914	675,8		1.827,0	50.685.000	152.055.000	37,0	6	3	9.180.000	20.274.000	232.194.000
50	150/50	Trần Văn Thắng Vũ Thị Mai	034072001473	681,0		1.712,0	51.075.000	153.225.000	39,8	6	2	6.120.000	20.430.000	230.850.000
51	151/50	Trần Văn Hiệp Đoàn Thị Lùa	034054000254	1.230,0		3.326,0	92.250.000	276.750.000	37,0	6	5	15.300.000	36.900.000	421.200.000
52	152/50 + 21/56	Trần Văn Chuyển, Đỗ Thị Thìn	034056004591	844,0		2.356,0	63.300.000	189.900.000	35,8	6	4	12.240.000	25.320.000	290.760.000
53	153/50+24/56	Trần Văn Ruyến là người thừa kế theo pháp luật của bà Trần Thị Dung (đã chết)	034037003523	1887,0		2.267,6	141.525.000	424.575.000	83,2	12	2	12.240.000	56.610.000	634.950.000
54	154/50 + 44/56	Trần Văn Đạo Vũ Thị Mùi	034055006664	1.782,0		2.538,1	133.650.000	400.950.000	70,2	12	11	67.320.000	53.460.000	655.380.000
55	156/50	Phạm Thị Nụ		839,0		1.024,3	62.925.000	188.775.000	81,9	12	6	36.720.000	25.170.000	313.590.000

STT	Số thửa đất thu hồi/Tờ bản đồ	Đối tượng được bồi thường, hỗ trợ	Mã định danh	Diện tích thu hồi theo quy hoạch (m2)	Diện tích ảnh hưởng (m2)	Tổng DT đất NN đang sử dụng (m2)	Bồi thường, hỗ trợ về đất						Cơ chế thưởng	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ khi NN thu hồi đất (đồng)
							Bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Hỗ trợ chuyển đổi nghề (đồng)	Hỗ trợ ổn định đời sống					
									Tỷ lệ thu hồi (%)	Số tháng được hưởng	Số nhân khẩu được hỗ trợ	Thành tiền (đồng)		
56	157/50 + 41/56	Trần Văn Tuyên Nguyễn Thị Thuỷ	034048004093	866,9		1.020,3	65.017.500	195.052.500	85,0	12	3	18.360.000	26.007.000	304.437.000
57	163/50	Vũ Thị Tuyết	034168009416	274,1		2.349,1	20.557.500	61.672.500	11,7	3	3	4.590.000	8.223.000	95.043.000
58	164/50	Những người thừa kế hợp pháp của ông Vũ Thái Học. Đại diện ông Vũ Văn Mạnh	034071010159	479,0		5.212,0	35.925.000	107.775.000	9,2	2	4	4.080.000	14.370.000	162.150.000
59	165/50	Đặng Thị Ngọc	034151000067	223,1		2.925,1	16.732.500	50.197.500	7,6	2	4	4.080.000	6.693.000	77.703.000
60	166/50	Vũ Đức Ninh, Phạm Thị Kim Dung	034060010665	549,4		2.712,4	41.205.000	123.615.000	20,3	5	2	5.100.000	16.482.000	186.402.000
61	167/50	Trần Văn Biển, Bùi Thị Tâm	034172002615	406,8		2.357,0	30.510.000	91.530.000	17,3	3	4	6.120.000	12.204.000	140.364.000
62	168/50	Đoàn Văn Thể, Vũ Thị Thuý Nga	034177005656	763,8		2.293,0	57.285.000	171.855.000	33,3	6		-	22.914.000	252.054.000
63	215/50	Nguyễn Thị Liền	034156002680	43,4		168,3	3.255.000	9.765.000	25,8	5	5	12.750.000	1.302.000	27.072.000
64	218/50	Ngô Thị Hường, Nguyễn Ngọc Rược	034160003995	851,0		1.129,0	63.825.000	191.475.000	75,4	12	2	12.240.000	25.530.000	293.070.000

STT	Số thửa đất thu hồi/Tờ bản đồ	Đối tượng được bồi thường, hỗ trợ	Mã định danh	Diện tích thu hồi theo quy hoạch (m2)	Diện tích ảnh hưởng (m2)	Tổng DT đất NN đang sử dụng (m2)	Bồi thường, hỗ trợ về đất						Cơ chế thưởng	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ khi NN thu hồi đất (đồng)
							Bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)	Hỗ trợ chuyển đổi nghề (đồng)	Hỗ trợ ổn định đời sống					
									Tỷ lệ thu hồi (%)	Số tháng được hưởng	Số nhân khẩu được hỗ trợ	Thành tiền (đồng)		
65	**219/50**	Tô Thị Cúc	**034153005368**	938,0		**1.704,0**	70.350.000	211.050.000	**55,0**	**6**	**3**	**9.180.000**	**28.140.000**	**318.720.000**
66	**25/56**	Trần Văn Lãm, Bùi Thị Huệ	**034159008699**	956,0		**1.704,0**	71.700.000	215.100.000	**56,1**	**6**	**3**	**9.180.000**	**28.680.000**	**324.660.000**
67	**26/56**	Trần Văn Tôn	**034054000297**	2.094,4		**3.394,0**	157.080.000	471.240.000	**61,7**	**6**	**4**	**12.240.000**	**62.832.000**	**703.392.000**
68	**27/56**	Đỗ Văn Thuần, Nguyễn Thị Nhuận	**034148009365**	822,8		**2.208,8**	61.710.000	185.130.000	**37,3**	**6**	**3**	**9.180.000**	**24.684.000**	**280.704.000**

* Gia đình tôi ..... với dự thảo phương án của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Kiến Xương đã lập.

ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH

* Lý do (nếu chưa đồng ý):